

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2017/HSST

Ngày: 25/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

+ Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Minh: Hội cựu chiến binh huyện

2. Bà Hà Thị Huyền: Hội phụ nữ huyện

+ Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Thư ký Tòa án.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Anh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25/8/2017, tại Ủy ban nhân dân xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông - tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân huyện Krông Bông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2017/HSST ngày 14/7/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn S**; sinh ngày: 25/5/1967 tại Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú : 233/1 ĐBP, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 6/12; Tiền án: có 01 tiền án về tội giết người và gây rối trật tự công cộng. Bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt tù chung thân vào năm 1997. Ngày 04/6/2014 được tha tù trước thời hạn; Tiền sự: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết); Con bà: Phạm Thị B (đã chết). Bị cáo có 07 anh, chị em, lớn nhất sinh năm 1955, nhỏ nhất sinh năm 1972. Hiện nay, anh, chị, em của bị cáo đang làm ăn sinh sống tại Thành phố B, Đắk Lắk.

Bị cáo bị bắt từ ngày 29/3/2017, hiện có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Ông Lê Minh T, sinh năm: 1993 (có mặt)

Trú tại: Thôn N, xã K, huyện KB, Đắk Lắk

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Nguyễn Nguyên Phong T, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Trú tại: Đường A, Buôn Đ, xã C, Thành phố B, Đắk Lắk

*** Những người làm chứng:**

- Ông Bùi Huy L, sinh năm: 1996 (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Xuân D, sinh năm: 1988 (có mặt)

Đều trú tại: Thôn N, xã K, huyện KB, Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Do có mối quan hệ thân thiết với Nguyễn Nguyên Phong T nên Nguyễn Văn S thường xuyên đi xuống cửa hàng xăng dầu H M để thăm T đang làm thuê tại đây. Vì vậy, S đã quan sát nơi cất tiền bán hàng và nơi ẩn nấp nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

Đến khoảng 20 giờ ngày 28/3/2017, S điều khiển xe mô tô của T đang nhờ S giữ hộ đi từ Thành phố B đến cửa hàng xăng dầu H M, S dựng xe ở ngoài đường cách cửa hàng xăng dầu H M khoảng 15 mét rồi đi bộ theo bờ tường rào vào cửa hàng, S đứng nép vào chiếc xe ô tô đang đậu ở cửa hàng để quan sát thì thấy anh Lê Minh T và chị T đang bán hàng cho khách nên lén lút vào bên trong nhà bếp và trốn ở phía sau máy giặt quần áo.

Khoảng 00 giờ ngày 29/3/2017, khi mọi người đã ngủ say thì S nhặt một túi ni lông màu vàng ở gần máy giặt đi lại cánh cửa phòng khách, S kéo cánh cửa ra rồi đi lên phòng khách, lúc này S thấy chìa khóa vẫn để ở ổ khóa cửa ngăn kéo bàn làm việc nên S mở khóa, kéo hộc bàn ra lấy 02 cọc tiền với tổng số tiền là 60.635.000 đồng (*Sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng*) bỏ vào túi ni lông màu vàng đang cầm trên tay, sau đó S thấy trên bàn làm việc có một máy Ipad và một cục sạc dự phòng, S liền lấy bỏ vào trong túi ni lông rồi mở chốt cửa phòng bếp đi ra ngoài.

Anh Bùi Huy L là một người dân sống gần cây xăng dầu H M, khi ấy đi chơi về đến ngang cây xăng dầu thì thấy S là một người lạ từ trong cửa hàng xăng dầu đi ra, anh Bùi Huy L thấy nghi vấn nên đã dừng xe xuống giữ S lại rồi gọi điện báo cho Công an xã K, huyện KB và công an huyện KB đến kiểm tra lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn S.

Vật chứng thu giữ được, gồm:

- 01 (một) máy Ipad màu trắng hiệu Apple; 01 (một) cục sạc pin điện thoại dự phòng màu trắng hiệu Arun và 60.635.000 đồng (*Sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng*) tiền mặt. Xét thấy không cần thiết tạm giữ số tài sản trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông đã ra quyết định xử lý vật chứng số 19 ngày 08/5/2017, trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Minh T.

- 01 (một) xe mô tô biển số: 51V1 – 7326 nhãn hiệu EXCEL màu sơn: Đỏ, số máy: MEH5K – 007456; số khung WD4D – 007456.

- 01 (một) ví da màu đen bên trong có 288.000 đồng (*hai trăm tám mươi tám ngàn đồng*); 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Văn S.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 07/BB-HĐ ngày 10/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Bông, kết luận tổng giá trị tài sản định giá gồm: 01 (một) máy Ipad màu trắng hiệu Apple và 01 (một) cục sạc pin điện thoại dự phòng màu trắng hiệu Arun là 4.100.000 đồng (*Bốn triệu một trăm ngàn đồng*) .

Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình

Tại bản cáo trạng số 15/KSĐT- HS ngày 12/7/2017 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Krông Bông đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa :

Bị cáo Nguyễn Văn S đã thành khẩn khai nhận: Tối ngày 28/3/2017, bị cáo một mình đi xe mô tô biển số 51V1- 7326 của chị Nguyễn Nguyên Phong T đến cây xăng H M, bị cáo đã để xe cách cây xăng H M khoảng 15m, thấy anh L và chị T đang bán

xăng cho khách, bị cáo đã lên vào trong bếp trốn sau tủ giặt quần áo. Đến nửa đêm, khoảng 0 giờ ngày 29/3/2017, thấy mọi người trong cây xăng đã ngủ say, bị cáo rời khỏi nơi ẩn nấp đến lục ngăn kéo bàn và lấy trộm số tiền mặt là 60.635.000 đồng (*Sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng*); 01 (một) máy Ipad màu trắng hiệu Apple và 01 (một) cục sạc pin điện thoại dự phòng màu trắng hiệu Arun. Khi bị cáo ra khỏi cửa hàng để đến nơi dựng xe thì bị anh L phát hiện và báo công an bắt giữ. Toàn bộ số tài sản bị cáo lấy cắp trong cửa hàng H M đã bị công an thu giữ và cả 01 (một) ví da màu đen bên trong có 288.000 đồng (*hai trăm tám mươi tám ngàn đồng*); 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế của bị cáo.

Người bị hại, anh Lê Minh T trình bày: Vào khoảng 0 (không) giờ ngày 29/3/2017, tôi, chị T và chị D đang ngủ trong cửa hàng xăng dầu H M thì nghe tiếng gọi ở ngoài nhà trước, tôi dậy ra mở cửa thì thấy anh L đang giữ một người đàn ông, tôi nhận ra ngay là anh Nguyễn Văn S là bạn của chị T thường hay xuống cây xăng chơi. Anh L nói tôi xem trong nhà có mất gì không, tôi chạy vào kiểm tra thì phát hiện mất tiền. Tôi và anh L cùng kiểm tra túi ni lông anh S đang cầm thì thấy có tiền và máy Ipad của tôi. Tôi và anh L giữ anh S lại, rồi anh L gọi điện báo công an đến làm việc. Hiện nay, tôi đã nhận được tài sản bị mất gồm 60.635.000 đồng (*Sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng*) tiền mặt; 01 (một) máy Ipad màu trắng hiệu Apple; 01 (một) cục sạc pin điện thoại dự phòng màu trắng hiệu Arun. Do vậy, tôi không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường cho tôi khoản chi phí nào hết. Về trách nhiệm hình sự, tôi đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo S theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát viên đã phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự

Về hình phạt: Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm bị cáo tạm giam, ngày 29/3/2017.

Các biện pháp tư pháp:

Vật chứng của vụ án:

Căn cứ điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự : Đề nghị HĐXX chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông, Đắk Lắk ra Quyết định xử lý vật chứng số 19 ngày 08/5/2017 trả lại 01 (một) máy Ipad màu trắng hiệu Apple; 01 (một) cục sạc pin điện thoại dự phòng màu trắng hiệu Arun và 60.635.000 đồng (*Sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng*) tiền mặt cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Minh T.

Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị trả lại:

- 01 (Một) ví da màu đen bên trong có 288.000 đồng (*Hai trăm tám mươi tám ngàn đồng*); 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Văn S, cho chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Văn S.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 51V1 – 7326 mà bị cáo mượn của chị T để làm phương tiện phạm tội. Chị T không biết việc bị cáo sử dụng xe để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, chị T chưa cung cấp đầy đủ giấy tờ chủ sở hữu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao chiếc xe mô tô biển số 51V1 – 7326 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ tiếp tục điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là Lê Minh T đã nhận lại được tiền và tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa thấy rằng: Vào khoảng 0 giờ đêm 29/3/2017, bị cáo Nguyễn Văn S đã lợi dụng lúc mọi người trong cửa hàng xăng dầu H M ngủ say, lén lút lấy trộm 60.635.000 đồng (*Sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng*) tiền mặt; 01

(một) máy Ipad màu trắng hiệu Apple và 01 (một) cục sạc pin điện thoại dự phòng màu trắng hiệu Arun trị giá 4.100.000 đồng (*Bốn triệu một trăm ngàn đồng*)

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo qui định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng

Xét thấy bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật để nhận thức việc làm của mình. Bị cáo cần nhận thức được rằng tài sản tại cây xăng dầu H M không thuộc quyền sở hữu của bị cáo và được pháp luật bảo vệ.

Nhưng do bản tính tham lam, lười lao động và thói quen muốn được hưởng thụ từ thành quả lao động của người khác. Bản thân bị cáo đã từng bị phạt 24 tháng tù vì có hành vi trộm cắp tài sản vào năm 1985 khi bị cáo mới 18 tuổi. Đến năm 1989 bị cáo có nhiều biểu hiện trộm cắp tài sản và gây rối trật tự công cộng, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho tập trung cải tạo 03 năm; Năm 1996, bị cáo có hành vi giết người và gây rối trật tự công cộng bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk phạt tù chung thân. Bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/6/2014, chưa được xóa án tích thì vào đêm 29/3/2017, bị cáo đã lén lút vào cửa hàng xăng dầu Hồng Minh lấy trộm tài sản.

Lẽ ra, qua những lần bị xử phạt, bị đi tù như vậy, bị cáo phải lấy đây làm bài học cho bản thân, được tha tù trước thời hạn, bị cáo cần thấy đây là một ân huệ để trở thành một con người lương thiện, sống và làm việc theo pháp luật, biết kìm chế ham muốn của bản thân, tạo cho mình một nguồn thu hợp pháp bằng chính sức lao động

của mình. Nhưng, bị cáo không lo làm ăn lương thiện, không muốn lao động mà chỉ muốn có tiền tiêu dùng cho bản thân nên đã lợi dụng sự sơ hở của người khác, lén lút lấp trộm tài sản.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Cần phải xử phạt thật nghiêm minh để phòng ngừa tội phạm nói chung và giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội sau này.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

Các biện pháp tư pháp:

Vật chứng của vụ án:

Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự : Cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông, Đắk Lắk ra Quyết định xử lý vật chứng số 19 ngày 08/5/2017 trả lại 01 (một) máy Ipad màu trắng hiệu Apple; 01 (một) cục sạc pin điện thoại dự phòng màu trắng hiệu Arun và 60.635.000 đồng (*sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng*) cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Minh T.

Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại: 01 (Một) ví da màu đen bên trong có 288.000 đồng (*Hai trăm tám mươi tám ngàn đồng*); 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Văn S, cho chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Văn S.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 51V1 – 7326 mà bị cáo mượn của chị T để làm phương tiện phạm tội. Chị T không biết việc bị cáo sử dụng xe để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, chị T chưa cung cấp đầy đủ giấy tờ chủ sở hữu. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao chiếc xe mô tô biển số 51V1 – 7326 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ tiếp tục điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) .

Xét thấy quan điểm đường lối xử lý vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát là đầy đủ, toàn diện và phù hợp, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: “ *Trộm cắp tài sản*”.

* Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 03 (ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 29/3/2017.

Các biện pháp tư pháp:

Vật chứng của vụ án: Căn cứ điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông, Đắk Lắk ra Quyết định xử lý vật chứng số: 19 ngày 08/5/2017 trả lại 01 (một) máy Ipad màu trắng hiệu Apple; 01 (một) cục sạc pin điện thoại dự phòng màu trắng hiệu Arun và 60.635.000 đồng (*Sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng*) tiền mặt cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Minh T.

Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại 01 (Một) ví da màu đen bên trong có 288.000 đồng (*Hai trăm tám mươi tám ngàn đồng*); 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Văn S, cho chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Văn S.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 51V1 – 7326, giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ tiếp tục điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh

- VKSND huyện

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp
- Phòng PV 27
- CA huyện
- THA HS
- Chi cục THA DS
- Bị cáo, bị hại
- Người liên quan
- Lưu hồ sơ.

TRƯỜNG THỊ HUỆ